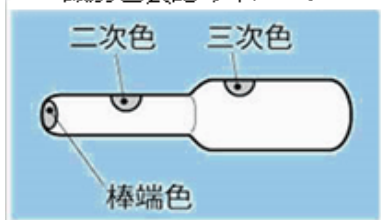


識別色一覧表

被覆アーク棒、TIG溶接材料の
 識別色表記のイメージ



※三次色：4.5φ、5.5φ、6.4φのみ適用
 (LB-490FRは全ての径に適用)

表中の **F**、**T**、**P** はそれぞれ以下の商標を指します

F : FAMILIARC™
T : TRUSTARC™
P : PREMIARC™

【品名アルファベット順】

品名	棒端色	二次色	三次色※	品名	棒端色	二次色	三次色※
P A-1070BY	黒色	-	-	P CR-43CbS	茶色	紫色	-
P A-1100BY	赤色	-	-	P CR-134	黒色	萌黄色	-
P A-4043BY	橙色	-	-	P HF-11	赤色	黒色	-
P A-5183BY	青色	-	-	P HF-12	赤色	茶色	-
P A-5356BY	黄緑色	-	-	P HF-16	オレンジ色	茶色	-
P A-5554BY	黄色	-	-	P HF-240	赤色	白色	-
F B-10	緑色	-	赤色	P HF-260	赤色	緑色	-
F B-14	薄茶色	-	赤色	P HF-30	赤色	銀色	-
F B-17	黄色	-	赤色	P HF-350	オレンジ色	緑色	-
F B-33	桃色	-	-	P HF-450	赤色	桃色	-
F BA-47	オレンジ色	青色	-	P HF-500	オレンジ色	青白色	-
F BI-14	青白色	-	赤色	P HF-600	赤色	赤色	-
F BL-76	白色	青白色	-	P HF-650	赤色	オレンジ色	-
F BL-96	赤色	緑色	赤色	P HF-700	オレンジ色	オレンジ色	-
P CI-A1	金色	赤色	-	P HF-800K	オレンジ色	黄色	-
P CI-A2	金色	桃色	-	P HF-950	オレンジ色	-	-
P CI-A3	黒色	オレンジ色	-	P HF-1000	赤色	黄色	-
T CM-2CW	オレンジ色	緑色	-	F LB-24	青白色	銀灰色	-
T CM-5	オレンジ色	-	-	F LB-26	青白色	-	-
T CM-9	黄色	青色	-	F LB-26V	青色	緑色	赤色
T CM-9Cb	黄色	紫色	-	F LB-47	青白色	黒色	-
T CM-A106	銀色	茶色	-	F LB-47A	黒色	銀色	-
T CM-A106H	銀色	緑色	-	F LB-50A	白色	茶色	赤色
T CM-A106N	銀色	白色	-	F LB-50WT	オレンジ色	オレンジ色	-
T CM-A76	茶色	-	-	F LB-52	青白色	白色	赤色
T CM-A96	銀色	黒色	-	F LB-52A	赤色	白色	-
T CM-A96MB	銀色	銀灰色	-	T LB-52NS	白色	緑色	赤色
T CM-B76	茶色	白色	-	F LB-52T	赤色	-	-
T CM-B83	茶色	赤色	-	F LB-52U	青白色	桃色	-
T CM-B93	茶色	-	-	F LB-52UL	茶色	黒色	-
T CM-B95	黒色	黄色	-	F LB-52V	萌黄色	緑色	赤色
T CM-B96	茶色	緑色	-	F LB-52-18	青白色	青色	-
T CM-B98	黒色	萌黄色	-	F LB-57	青色	茶色	-
T CM-B108	黒色	桃色	-	T LB-62	青白色	黄色	-
P CR-40	紫色	-	-	T LB-62L	青色	オレンジ色	-
P CR-40Cb	紫色	オレンジ色	-	T LB-62U	青色	黄色	-
P CR-43Cb	茶色	青白色	-	T LB-62UL	茶色	銀色	-

品名	棒端色	二次色	三次色※	品名	棒端色	二次色	三次色※
F LB-76	青白色	緑色	-	F TB-I24	白色	-	-
T LB-80UL	茶色	緑色	-	F TB-W52	銀灰色	黄色	-
T LB-88LT	茶色	茶色	-	F TB-W52B	黄色	青白色	-
T LB-106	青白色	紫色	-	T TG-S1CM	銀色	-	-
T LB-116	青白色	赤色	-	T TG-S1CML	青色	-	-
F LB-490FR	青白色	黄色	黄色	T TG-S1N	黒色	-	-
F LB-A52	萌黄色	桃色	-	T TG-S2CM	茶色	-	-
F LB-M52	青色	萌黄色	赤色	T TG-S2CMH	銀色	-	-
F LB-O52	白色	銀色	-	T TG-S2CML	赤色	-	-
F LB-W52	青色	桃色	-	T TG-S2CW	青白色	-	-
F LB-W52B	緑色	赤色	-	T TG-S3N	萌黄色	-	-
F LB-W52CL	銀色	銀色	-	T TG-S5CM	白色	-	-
F LB-W52CLB	黒色	黒色	-	T TG-S9Cb	灰色	-	-
F LB-W62G	銀灰色	銀灰色	-	T TG-S9CM	紫色	-	-
F LB-W588	白色	銀灰色	-	T TG-S9N	桃色	-	-
F LT-B50	紫色	オレンジ色	赤色	F TG-S50	黄色	-	-
F LT-B52A	銀色	オレンジ色	赤色	F TG-S51T	黒色	-	-
P MC-16	銀色	黄色	-	T TG-S56	銀灰色	-	-
T NB-1	茶色	銀灰色	-	T TG-S60A	オレンジ色	-	-
T NB-1SJ	白色	茶色	-	T TG-S62	白色	-	-
T NB-2	茶色	黒色	-	T TG-S63S	薄緑	-	-
T NB-3J	黄緑色	銀灰色	-	P TG-S70NCb	紫色	-	-
T NB-A52V	緑色	白色	赤色	T TG-S90B9	黒色	-	-
P NC-30	桃色	-	-	P TG-S308	黄色	-	-
P NC-32	緑色	赤色	-	P TG-S308L	赤色	-	-
P NC-36	白色	-	-	P TG-S309	黒色	-	-
P NC-36L	緑色	-	-	P TG-S309L	黄緑色	-	-
P NC-36LT	緑色	-	-	P TG-S309MoL	銀色	赤色	-
P NC-37	青色	青色	-	P TG-S310	金色	-	-
P NC-37L	青色	緑色	-	P TG-S316	白色	-	-
P NC-38	黄色	-	-	P TG-S316L	緑色	-	-
P NC-38H	黄色	-	-	P TG-S317L	栗色	-	-
P NC-38L	赤色	-	-	P TG-S347	青色	-	-
P NC-38LT	赤色	黄色	-	P TG-S347L	青色	赤色	-
P NC-39	黒色	白色	-	P TG-S410	紫色	-	-
P NC-39L	黄緑色	青白色	-	P TG-S410Cb	紫色	-	-
P NC-39MoL	銀色	青色	-	P TG-S709S	オレンジ色	-	-
P NC-316MF	緑色	桃色	-	P TG-S2209	赤色	緑色	-
P NC-317L	くり色	オレンジ色	-	P TG-S2594	赤色	青色	-
P NC-318	緑色	銀灰色	-	T TG-SM	緑色	-	-
P NI-C1S	黄色	緑色	-	P TG-SN625	茶色	-	-
P NI-C70A	銀色	緑色	-	P TG-X308L	赤色	-	-
P NI-C70S	銀灰色	桃色	-	P TG-X309L	黄緑色	-	-
P NI-C625	銀色	紫色	-	P TG-X316L	緑色	-	-
P NI-C703D	銀色	青色	-	P TG-X347	青色	-	-
F PB-3	茶色	オレンジ色	-	F Z-1	薄茶色	オレンジ色	赤色
F RB-26	黒色	-	-	F Z-1Z	オレンジ色	-	-
F SG-0	紫色	-	-	F Z-43F	銀灰色	緑色	赤色
F TB-24	銀灰色	-	赤色	F Z-44	銀灰色	青白色	-
F TB-43	銀灰色	オレンジ色	-	F Z-6V	黄色	黒色	赤色